TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2020
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng, ông Nguyễn Thái Linh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Huyền Trang- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2020/TLST-HNGĐ ngày 12/02/2020. Theo Thông báo mở lại phiên tòa số 17/2020/TB-TA, ngày 14/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Văn M, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại CHLB Đức. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như quá trình giải quyết vụ án, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn anh Lê Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn M và chị Nguyễn Thị N kết hôn vào ngày 28/06/2006 tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi vã khiến cuộc sống hôn nhân hết sức nặng nề. Đầu năm 2018, chị Nguyễn Thị N sang Cộng hòa liên bang Đức làm ăn và vợ chồng anh M chị N sống ly thân từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh Lê

Văn M làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung là cháu Lê Nguyễn Quỳnh R, sinh ngày 26/3/2007; cháu Lê Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 25/5/2011; cháu Lê Minh Q, sinh ngày 02/8/2016. Vì điều kiện bản thân không cho phép, anh M có nguyện vọng nuôi 01 cháu là Lê Nguyễn Quỳnh R còn 02 cháu là Lê Nguyễn Quỳnh T và Lê Minh Q giao cho chị Nguyễn Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã có văn bản về việc yêu cầu cung cấp địa chỉ, quan điểm của chị Nguyễn Thị N gửi cho bố mẹ ruột của chị N là Ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị N (Địa chỉ: Xóm N, thôn B, xã xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk). Tuy nhiên, do chị N làm việc ở Đức không ở cố định một nơi nên bản thân chị và bố mẹ ruột của chị không cung cấp được địa chỉ cụ thể. Về quan điểm thì theo các tài liệu chị Nguyễn Thị N gửi về, chị có ý kiến như sau:

Chị và anh Lê Văn M là vợ chồng có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 28/06/2006 tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi lấy nhau, vợ chồng sinh sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do quan điểm không hợp, thường xuyên cãi vã. Năm 2018, vì điều kiện kinh tế khó khăn nên chị N sang CHLB Đức làm ăn đến nay. Tuy thỉnh thoảng chị vẫn liên lạc về cho gia đình nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện. Nhận thấy vợ chồng không hàn gắn được nữa nên chị N muốn được công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị và anh Lê Văn M. Về con chung: Chị N có nguyện vọng nuôi 02 cháu là cháu cháu Lê Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 25/5/2011 và cháu Lê Minh Q, sinh ngày 02/8/2016 còn cháu Lê Nguyễn Quỳnh R, sinh ngày 26/3/2007 giao cho anh Lê Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Tuy nhiên, hiện nay chị N đang lao động ở nước ngoài nên đã thống nhất với bố mẹ ruột là ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị N về việc tạm giao hai con cho ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng lúc chị N đang đi làm ăn xa. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết. Chị N xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ cho anh Lê Văn M.

Ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị N đã có văn bản cung cấp thông tin, trình bày ý kiến về việc ly hôn của anh Lê Văn M và chị Nguyễn Thị N. Về quan hệ hôn nhân và tài sản chung, nợ chung của anh M chị N ông bà không có ý kiến. Về việc nuôi cháu Lê Nguyễn Quỳnh T và cháu Lê Minh Q thì ông bà hoàn toàn đồng ý và sẵn sàng chịu trách nhiệm nuôi hai cháu trong thời gian chị N lao động ở nước ngoài.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Văn M, xử cho anh Lê Văn M được ly hôn với chị Nguyễn Thị N. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Nguyễn Quỳnh R, sinh ngày 26/3/2007 cho anh Lê Văn M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 25/5/2011 và cháu Lê Minh Q, sinh ngày 02/8/2016 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, trong thời gian chị N đi làm ăn xa thì ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị N thay chị N chăm sóc hai cháu. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị N đã xuất cảnh lần gần đây nhất vào ngày 01/9/2018 qua Cửa khẩu Sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước (Thông tin cung cấp tại Công văn số 2032/QLXNC-P5 ngày 21/02/2020 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh) nên quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 28, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Tòa án đã thông qua nhân thân của chị Nguyễn Thị N yêu cầu cung cấp địa chỉ cụ thể của chị N tại nước ngoài để thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng do chị N làm việc ở Đức không ở cố định một nơi nên chị và bố mẹ ruột không cung cấp được địa chỉ cụ thể, tuy nhiên chị N đã trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu ly hôn của anh Lê Văn M và xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ cho anh Lê Văn M. Trước khi mở phiên tòa anh Lê Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt do làm việc ở xa không có điều kiện về tham gia phiên tòa. Căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn M và chị Nguyễn Thị N đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn 28/06/2006 tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân giữa anh M và chị N là hợp pháp.

Xác định tình trạng hôn nhân giữa anh Lê Văn M và chị Nguyễn Thị N, thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã. Năm 2018, chị Nguyễn Thị N sang Cộng hòa liên bang Đức làm

ăn, vợ chồng anh M chị N sống ly thân từ đó đến nay. Tuy thỉnh thoảng chị N vẫn liên lạc về cho gia đình nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện mà ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn. Nay anh M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với chị N. Tại các văn bản trình bày quan điểm của chị N cũng thể hiện việc chị đồng ý ly hôn với anh M.

Như vậy, tình trạng hôn nhân của anh M và chị N đã trầm trọng, cả hai đều không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân và không ai đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn. Do đó, có cơ sở xác định anh M và chị N đã không còn tình cảm với nhau, không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, N vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của anh Lê Văn M về việc xin ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

[2.2] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là cháu Lê Nguyễn Quỳnh R, sinh ngày 26/3/2007; cháu Lê Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 25/5/2011; cháu Lê Minh Q, sinh ngày 02/8/2016.

Xét yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 03 con chung của các bên và để không làm đảo lộn cuộc sống, tâm lý của các cháu cần chấp nhận yêu cầu của các bên đương sự, giao con chung Lê Nguyễn Quỳnh R cho anh Lê Văn M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao 02 con chung là cháu Lê Nguyễn Quỳnh T và cháu Lê Minh Q cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị N tự nguyện chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu thay chị N trong thời gian chị đi làm ăn xa.

[2.3] Về N vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83,123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Khoản 3 Điều 2, Điều 19, Điều 28, Điều 37, Điều 227, Điều 273, khoản 2 Điều 479, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Công văn số 253/TANDTCPC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án Ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Anh Lê Văn M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn M được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Nguyễn Quỳnh R, sinh ngày 26/3/2007 cho anh Lê Văn M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung

Lê Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 25/5/2011 và Lê Minh Q, sinh ngày 02/8/2016 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (trong thời gian chị N chưa về nước thì ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị N tự nguyện chăm sóc cháu Thư và Q thay chị N). Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Buộc anh Lê Văn M phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001784 ngày 10/02/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Thương Huyền